



---

# Bài 3

# HTML Form & Table

Module: BOOTCAMP PREPARATION

# Mục tiêu

---

- Trình bày được được ý nghĩa và tác dụng của biểu mẫu (form)
- Trình bày được các thuộc tính cơ bản của form
- Sử dụng được phương thức POST và GET
- Sử dụng được các thành phần input
- Sử dụng được thành phần
- Sử dụng được thành phần button
- Sử dụng được thành phần textarea
- Sử dụng được thành phần select và option
- Tạo được bảng sử dụng các thẻ và thuộc tính: <table>, <tr>, <td>, <th>, colspan, rowspan, border

---


# Biểu mẫu (Form)


# Biểu mẫu (form)





- Biểu mẫu (form) là cơ chế cho phép người dùng nhập dữ liệu và gửi về server
- Chẳng hạn, chúng ta có form đăng nhập, form khảo sát, form tìm kiếm...
- Một form có thể bao gồm nhiều trường nhập dữ liệu khác nhau

**Create an Account**

 Name

 Phone Number

 Email

 Password

☐ I agree to the [Terms and Conditions](#) and [Privacy Policy](#)

**Create Account**

# Thẻ <form>

---



- Thẻ <form> được sử dụng để tạo một form
- Thuộc tính `action` có giá trị là một URL, quy định nơi dữ liệu được gửi đến
- Thuộc tính `name` quy định tên của form, sau đó có thể được dùng để truy xuất đến các giá trị trong form
- Thẻ <fieldset> và <legend> được sử dụng để nhóm các trường dữ liệu trong form

Personalia: \_\_\_\_\_

Name:

Email:

Date of birth:



# Phương thức POST và GET

- Thuộc tính method được sử dụng để quy định cách thức dữ liệu được gửi lên server
- Khi nào thì sử dụng GET hoặc POST?

```
<form action="/action_page.php" method="post">
```

GET	POST
Dữ liệu được gửi đi sẽ hiển thị trên thanh địa chỉ của trình duyệt	Dữ liệu được gửi đi KHÔNG hiển thị trên thanh địa chỉ của trình duyệt
Không nên sử dụng để gửi các dữ liệu nhạy cảm (chẳng hạn như mật khẩu)	Được sử dụng để gửi các dữ liệu nhạy cảm
Thường được sử dụng để gửi những dữ liệu nhỏ	Không hạn chế dung lượng dữ liệu gửi đi. Thường được sử dụng để gửi dữ liệu lớn lên server.



# Thẻ <input>

---

- Thẻ input được dùng để tạo các trường nhập dữ liệu thông dụng mà chúng ta thường thấy
- Thuộc tính name: tên của trường dữ liệu
- Thuộc tính disabled: vô hiệu hóa trường dữ liệu, không cho người dùng tương tác
- Thuộc tính value: giá trị của trường dữ liệu
- Thuộc tính type: loại trường dữ liệu (text, password...)
- **Lưu ý:** Dữ liệu được gửi lên server dưới dạng các cặp *tên-giá trị*  
Chẳng hạn: *name=John*

# Input type: Text

---

- Input type: text được sử dụng để nhập dữ liệu chuỗi ngắn, chẳng hạn như tên, địa chỉ...

```
<form>
  First name:<br>
  <input type="text" name="firstname"><br>
  Last name:<br>
  <input type="text" name="lastname">
</form>
```

First name:

Last name:



# Input type: Password



- Input type: password được sử dụng để nhập password, chẳng hạn như trong form đăng ký người dùng, hoặc form đăng nhập...

```
<form>
  User name:<br>
  <input type="text" name="username"><br>
  User password:<br>
  <input type="password" name="psw">
</form>
```

User name:

User password:

# Input type: Submit



- Input type: submit được sử dụng để tạo một nút nhấn, khi người dùng nhấn vào nút submit thì dữ liệu sẽ được gửi lên server

```
<form action="/action_page.php">  
  First name:<br>  
  <input type="text" name="firstname" value="Mickey"><br>  
  Last name:<br>  
  <input type="text" name="lastname" value="Mouse"><br><br>  
  <input type="submit" value="Submit">  
</form>
```

First name:

Last name:

# Input type: Reset



- Input type: reset được sử dụng để xóa các dữ liệu mà người dùng vừa mới nhập vào trong form, tất cả các trường dữ liệu sẽ quay trở về dữ liệu mặc định trước đó

```
<form action="/action_page.php">  
  First name:<br>  
  <input type="text" name="firstname" value="Mickey"><br>  
  Last name:<br>  
  <input type="text" name="lastname" value="Mouse"><br><br>  
  <input type="submit" value="Submit">  
  <input type="reset">  
</form>
```

First name:

Last name:

# Input type: Radio



- Input type: radio được sử dụng để cho phép người dùng lựa chọn **MỘT** trong số các giá trị cho trước

```
<form>
  <input type="radio" name="gender" value="male" checked> Male<br>
  <input type="radio" name="gender" value="female"> Female<br>
  <input type="radio" name="gender" value="other"> Other
</form>
```

☒ Male  
☐ Female  
☐ Other

Submit

# Input type: Checkbox



- Input type: checkbox được sử dụng để cho phép người dùng lựa chọn **KHÔNG**, **MỘT**, hoặc **NHIỀU** giá trị cho trước

```
<form>  
  <input type="checkbox" name="vehicle1" value="Bike"> I have a bike<br>  
  <input type="checkbox" name="vehicle2" value="Car"> I have a car  
</form>
```

☐ I have a bike  
☐ I have a car

Submit

# Input type: Button



- Input type: button được sử dụng để tạo một nút, nút này có thể được gắn với sự kiện của Javascript để xử lý các thao tác của người dùng

```
<input type="button" onclick="alert('Hello World!')" value="Click Me!">
```

Click Me!

**www.w3schools.com says:**

Hello World!

☐ Prevent this page from creating additional dialogs.

OK

# Các loại input khác



- color
- date
- datetime-local
- email
- month
- number
- range
- search
- tel
- time
- url
- week

Enter a date before 1980-01-01:

mm / dd / yyyy

Enter a date after 2000-01-01:

12 / dd / yyyy

March 2017

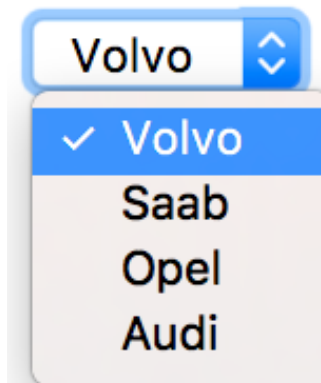
Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat	Sun
27	28	1	2	3	4	5
6	7	8	9	10	11	12
13	14	15	16	17	18	19
20	21	22	23	24	25	26
27	28	29	30	31	1	2

# Thẻ select và option



- Thẻ `select` và `option` được sử dụng để cho phép người dùng lựa chọn từ một danh sách cho trước. Trường nhập dữ liệu này còn được gọi là dropdown hoặc combobox
- So sánh với `input[type="radio"]` thì dropdown chiếm ít không gian hơn nhưng lại yêu cầu người dùng phải nhấn chuột thì mới hiển thị đầy đủ các danh sách

```
<select>  
  <option value="volvo">Volvo</option>  
  <option value="saab">Saab</option>  
  <option value="mercedes">Mercedes</option>  
  <option value="audi">Audi</option>  
</select>
```



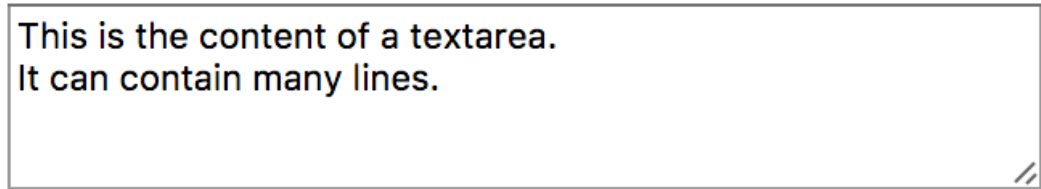


# Textarea



- Thẻ `textarea` được sử dụng để nhập dữ liệu dạng text lớn, chẳng hạn như nội dung của một bài báo, mô tả của một sản phẩm...
- Các thuộc tính quan trọng của thẻ `textarea`:
  - `rows`: số lượng dòng (chiều cao)
  - `cols`: số lượng cột (chiều rộng)

```
<textarea rows="4" cols="50">  
This is the content of a textarea.  
It can contain many lines.  
</textarea>
```



This is the content of a textarea.  
It can contain many lines.

---

# Bảng (Table)

# Bảng trong HTML



- Bảng được sử dụng để thể hiện dữ liệu dưới dạng hàng và cột
- Sử dụng bảng khi muốn hiển thị một danh sách các đối tượng với nhiều thuộc tính khác nhau
- Cách thành phần của bảng:
  - Cột (column)
  - Dòng (row)
  - Đường viền (border)
  - Tiêu đề (header)
- Các thẻ được dùng để tạo bảng:  
`<table>`, `<tr>`, `<td>`, `<th>`

Company	Contact	Country
Alfreds Futterkiste	Maria Anders	Germany
Centro comercial Moctezuma	Francisco Chang	Mexico
Ernst Handel	Roland Mendel	Austria
Island Trading	Helen Bennett	UK
Laughing Bacchus Winecellars	Yoshi Tannamuri	Canada
Magazzini Alimentari Riuniti	Giovanni Rovelli	Italy

# Hiển thị dạng bảng

---




Company	Contact	Country
Alfreds Futterkiste	Maria Anders	Germany
Centro comercial Moctezuma	Francisco Chang	Mexico
Ernst Handel	Roland Mendel	Austria
Island Trading	Helen Bennett	UK
Laughing Bacchus Winecellars	Yoshi Tannamuri	Canada
Magazzini Alimentari Riuniti	Giovanni Rovelli	Italy

# Hiển thị dạng bảng



Bảng (table)



Company	Contact	Country
Alfreds Futterkiste	Maria Anders	Germany
Centro comercial Moctezuma	Francisco Chang	Mexico
Ernst Handel	Roland Mendel	Austria
Island Trading	Helen Bennett	UK
Laughing Bacchus Winecellars	Yoshi Tannamuri	Canada
Magazzini Alimentari Riuniti	Giovanni Rovelli	Italy

# Hiển thị dạng bảng



Cột (column)



Company	Contact	Country
Alfreds Futterkiste	Maria Anders	Germany
Centro comercial Moctezuma	Francisco Chang	Mexico
Ernst Handel	Roland Mendel	Austria
Island Trading	Helen Bennett	UK
Laughing Bacchus Winecellars	Yoshi Tannamuri	Canada
Magazzini Alimentari Riuniti	Giovanni Rovelli	Italy

# Hiển thị dạng bảng



Company	Contact	Country
Alfreds Futterkiste	Maria Anders	Germany
Centro comercial Moctezuma	Francisco Chang	Mexico
Ernst Handel	Roland Mendel	Austria
Island Trading	Helen Bennett	UK
Laughing Bacchus Winecellars	Yoshi Tannamuri	Canada
Magazzini Alimentari Riuniti	Giovanni Rovelli	Italy

Dòng (row)

# Hiển thị dạng bảng



Tiêu đề  
(header)

Company	Contact	Country
Alfreds Futterkiste	Maria Anders	Germany
Centro comercial Moctezuma	Francisco Chang	Mexico
Ernst Handel	Roland Mendel	Austria
Island Trading	Helen Bennett	UK
Laughing Bacchus Winecellars	Yoshi Tannamuri	Canada
Magazzini Alimentari Riuniti	Giovanni Rovelli	Italy



# Các thẻ tạo bảng

---

- **<table>**: Khai báo một bảng
- **<tr>**: Khai báo một dòng
- **<th>**: Khai báo một ô tiêu đề
- **<td>**: Khai báo một ô dữ liệu

# Ví dụ

---



Tên	Tuổi
Jill	50
Eve	94

# Bảng nâng cao

---



- Ô chiếm nhiều cột: Sử dụng thuộc tính **colspan**

Tháng	Doanh thu
Một	\$100
Hai	\$80
Tổng: \$180	

# Bảng nâng cao



- Ô chiếm nhiều dòng: Sử dụng thuộc tính rowspan

Quý	Tháng	Doanh thu
Một	Một	\$100
	Hai	\$80
	Ba	\$80
Hai	Bốn	\$100
	Năm	\$80
	Sáu	\$80



# Tóm tắt bài học

---

- Form được sử dụng để gửi dữ liệu lên server
- Thẻ `<form>` được sử dụng để tạo form
- Có nhiều loại input khác nhau, chẳng hạn như text, password, radio...
- Phương thức POST được sử dụng trong trường hợp gửi dữ liệu lên
- Phương thức GET được sử dụng trong trường hợp lấy dữ liệu về
- Thẻ `<select>` và `<option>` được sử dụng để tạo dropdown
- Bảng được sử dụng để hiển thị dữ liệu dạng hàng và cột
- Các thẻ để tạo bảng: `<table>`, `<tr>`, `<th>`, `<td>`
- Có thể sử dụng thuộc tính `colspan` và `rowspan` để gộp cột và dòng



---

# Hướng dẫn

- Hướng dẫn làm bài thực hành và bài tập
- Chuẩn bị bài tiếp: *Tổng quan JavaScript*